



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào
ngày 30 tháng 6 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2014	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01/6/2007	
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	28/4/2011	
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25/4/2008	
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Thành viên	11/4/2011	
Ông Huỳnh Ngọc Mẫn	Thành viên	24/4/2014	

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban
Bà Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15/4/2004	
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2009	
Ông Vũ Thành Nam	Giám đốc Tài Chính	02/11/2012	03/07/2014
Bà Nguyễn Thị Phước Diên	Kế toán trưởng	02/11/2012	

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THANH NGHĨA



RSM DTL Auditing
Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 15.146/BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 32 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN HOÀNG VY THẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1727-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		904.555.722.225	838.588.560.259
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	10.442.545.947	84.966.022.076
1. Tiền	111		442.545.947	11.195.949.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	73.770.072.353
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	986.841.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	988.103.451
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.262.451)
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	684.990.978.702	598.017.695.916
1. Phải thu khách hàng	131		678.092.149.125	561.310.640.335
2. Trả trước cho người bán	132		1.767.082.591	11.954.346.776
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		14.633.460.558	34.171.885.907
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.501.713.572)	(9.419.177.102)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	154.873.502.584	126.863.360.671
1. Hàng tồn kho	141		155.431.303.674	127.555.091.984
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(557.801.090)	(691.731.313)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.248.694.992	27.754.640.596
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		40.397.049	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.322.848.218	8.098.044.934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		895.000	21.692.876
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	13.884.554.725	19.634.902.786

(Phần tiếp theo ở trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		582.771.648.882	587.858.323.660
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		91.467.293.860	96.670.450.310
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.5)	31.783.951.978	36.742.127.493
+ Nguyên giá	222		86.198.728.163	88.997.713.018
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.414.776.185)	(52.255.585.525)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.6)	57.730.799.347	58.450.742.155
+ Nguyên giá	228		62.961.546.808	62.961.546.808
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.230.747.461)	(4.510.804.653)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.7)	1.952.542.535	1.477.580.662
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	491.295.803.484	491.177.503.484
1. Đầu tư vào công ty con	251		491.194.000.000	491.194.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.059.782.641	941.482.641
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(957.979.157)	(957.979.157)
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.551.538	10.369.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		8.551.538	10.369.866
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.487.327.371.107	1.426.446.883.919

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		699.720.050.322	704.485.000.718
I. Nợ ngắn hạn	310		699.624.050.322	704.329.000.718
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	501.243.583.630	436.737.857.723
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	138.501.545.558	208.633.805.590
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	6.289.658.635	34.098.289.325
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	5.282.065.896	11.093.238.878
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	309.483.387	562.194.432
6. Chi phí phải trả	316	(5.13)	782.517.370	1.029.311.716
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.14)	44.355.237.605	9.784.886.270
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	(5.15)	2.859.958.241	2.389.416.784
II. Nợ dài hạn	330		96.000.000	156.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.16)	96.000.000	156.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.17)	787.607.320.785	721.961.883.201
I. Vốn chủ sở hữu	410		787.607.320.785	721.961.883.201
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	501.360.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.758.033.540	160.852.283.540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		26.956.805.237	26.017.792.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.512.121.366	2.479.121.366
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41.663.006.226	89.890.471.570
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.487.327.371.107	1.426.446.883.919

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

CHỈ TIÊU	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ		-	-
+ USD		5.260,44	442.155,63
+ EUR		100,27	100,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THỊ VUI



NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN



NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.306.198.539.112	1.301.475.229.497
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.849.824	29.603.840
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.306.187.689.288	1.301.445.625.657
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.288.662.536.127	1.283.342.791.892
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.525.153.161	18.102.833.765
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	17.116.907.841	19.482.046.442
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	17.116.387.843	20.788.112.803
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		13.838.576.316	16.192.867.799
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	7.373.714.572	3.869.863.044
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	8.917.994.759	9.858.236.147
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.233.963.828	3.068.668.213
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	1.806.495.396	55.397.012.210
12. Chi phí khác	32	(6.8)	2.522.132.869	57.805.544.608
13. Lợi nhuận khác	40		(715.637.473)	(2.408.532.398)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		518.326.355	660.135.815
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	251.801.014	460.559.414
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		266.525.341	199.576.401

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

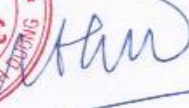
TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THỊ VUI



NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN



NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		518.326.355	660.135.815
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		4.456.264.998	5.288.231.642
Các khoản dự phòng	03		(52.656.204)	595.429.049
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		3.062.882.375	3.282.844.612
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.010.895.107)	(860.008.245)
Chi phí lãi vay	06		13.838.576.316	16.192.867.799
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		18.812.498.733	25.159.500.672
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(112.808.765.419)	(134.411.820.083)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28.349.099.470)	(5.536.534.067)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(68.716.969.617)	315.948.283.463
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(38.578.721)	(15.681.817)
Tiền lãi vay đã trả	13		(14.122.020.662)	(17.932.082.745)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.436.737.246)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	218.974.413.479
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(143.866.300)	(212.846.754.059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(206.803.538.702)	189.339.324.843
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(127.600.000)	(1.852.678.435)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.750.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(118.300.000)	(372.947.308)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.610.348.432	182.324.356
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.114.448.432	(2.043.301.387)

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

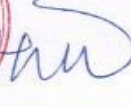
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		66.087.570.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		705.391.192.923	497.936.286.785
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(643.110.591.498)	(612.344.447.098)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		128.368.171.425	(114.408.160.313)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(74.320.918.845)	72.887.863.143
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		84.966.022.076	24.160.032.735
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(202.557.284)	13.253.329
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		10.442.545.947	97.061.149.207

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA

361
NC
HIỆN
M T
T
H

C.P. * BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 6 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, Phường 5, Thị xã Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, Ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A Ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 56 (31/12/2013: 47).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Ngành nghề sản xuất chính của Công ty là:
 - + Sản xuất thép cán nóng (P/O), thép cán nguội (C/R), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu (tôn mạ màu), thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép ống, dẹt cán sóng tôn, cán xà gồ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ.
 - + Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng. Sản xuất tấm lợp các loại.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:
 - + Mua bán sắt thép các loại.
- Ngành nghề kinh doanh khác của Công ty là:
 - + Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
 - + Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
 - + Mua bán nông sản.
 - + Mua bán vỏ, ruột xe.
 - + Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
 - + Xây dựng nhà các loại.
 - + Thi công hệ thống điện công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- + Thi công hệ thống nước công trình.
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- + Đúc sắt, thép.
- + Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- + Chế biến nông sản.
- + Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- + Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- + Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- + Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2001.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

▪ Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm

4.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm.

4.7. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính:
 - + Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

- + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.11. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung của cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

4.13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.15. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 22%.
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.
 - + Ưu đãi, miễn giảm thuế:
Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo.
Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

4.16. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	73.136.391	160.180.168
Tiền gửi ngân hàng	369.409.556	11.035.139.555
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	73.770.702.353
Tổng cộng	10.442.545.947	84.966.022.076

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với số tiền là 10.018.628.656 VND được dùng để đảm bảo khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.9.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	678.092.149.125	561.310.640.335
Trả trước cho người bán	1.767.082.591	11.954.346.776
Các khoản phải thu khác	14.633.460.558	34.171.885.907
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	694.492.692.274	607.436.873.018
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.501.713.572)	(9.419.177.102)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	684.990.978.702	598.017.695.916

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải thu từ các bên liên quan 641.296.907.312 VND - Xem thêm mục 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu các khoản chi hộ, cho mượn từ các bên có liên quan – Xem thêm mục 8.	2.041.172.690	4.661.991.371
Thuế GTGT chờ được hoàn	7.942.770.781	22.242.813.785
Thuế Giá trị gia tăng chờ khấu trừ	1.078.304.629	2.384.765.751
Tiền cho công nhân viên vay	500.000.000	500.000.000
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	1.584.922.724	1.584.922.724
Phải thu khác	1.486.289.734	2.797.392.276
Cộng	14.633.460.558	34.171.885.907

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	(20.998)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(164.862.796)	(216.591.618)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(2.116.997.129)	(2.492.016.235)
Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(7.219.853.647)	(6.710.548.251)
Cộng	(9.501.713.572)	(9.419.177.102)

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	10.305.172.407	2.578.901.640
Nguyên liệu, vật liệu	47.213.086.150	18.070.656.910
Công cụ, dụng cụ	3.783.093.920	3.429.870.479
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	222.083.800	146.409.718
Thành phẩm	73.634.556.672	75.417.419.742
Hàng hóa	20.273.310.725	27.911.833.495
Cộng giá gốc hàng tồn kho	155.431.303.674	127.555.091.984
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(557.801.090)	(691.731.313)
Giá trị thuần có thể thực hiện	154.873.502.584	126.863.360.671

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 133.930.223 VND do hàng đã được bán ra trong kỳ.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay là 77.136.525.500 VND – Xem thêm mục 5.9.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	121.280.420
Tạm ứng	3.223.880.539	3.012.741.810
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.539.393.766	16.500.880.556
Tổng cộng	13.884.554.725	19.634.902.786

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là khoản ký quỹ dùng để mở LC thanh toán. Khoản ký quỹ với số tiền 3.688.444.800 VND được dùng để đảm bảo khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.9.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Ngàn đồng				
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.931.484	47.170.050	24.337.235	558.944	88.997.713
Mua trong kỳ	-	127.600	-	-	127.600
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.926.585)	-	(2.926.585)
Số dư cuối kỳ	16.931.484	47.297.650	21.410.650	558.944	86.198.728
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.518.575	29.622.401	13.700.153	414.456	52.255.585
Khấu hao trong kỳ	451.190	1.872.734	1.387.587	24.812	3.736.323
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.577.132)	-	(1.577.132)
Số dư cuối kỳ	8.969.765	31.495.135	13.510.608	439.268	54.414.776
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	8.412.909	17.547.649	10.637.082	144.488	36.742.128
Tại ngày cuối kỳ	7.961.719	15.802.515	7.900.042	119.676	31.783.952

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.261.641.978 VND.

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay dài hạn là 517.278.757 VND – Xem thêm mục 5.16.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp để bảo lãnh cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 1.678.662.100 VND – Xem thêm mục 8.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.453.742.788	57.061.865	4.510.804.653
Khấu hao trong kỳ	714.236.622	5.706.186	719.942.808
Số dư cuối kỳ	5.167.979.410	62.768.051	5.230.747.461
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	58.416.505.020	34.237.135	58.450.742.155
Tại ngày cuối kỳ	57.702.268.398	28.530.949	57.730.799.347

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 7.090.515.640 VND - Xem thêm mục 5.9.

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp để bảo lãnh cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 46.282.579.636 VND - Xem thêm mục 8.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Công trình văn phòng, nhà xưởng	146.113.231	73.067.776
Máy móc, dây chuyền sản xuất	473.724.525	220.192.636
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.332.704.779	1.184.320.250
Tổng cộng	1.952.542.535	1.477.580.662

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	491.194.000.000	491.194.000.000
Đầu tư dài hạn khác	1.059.782.641	941.482.641
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	492.253.782.641	492.135.482.641
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(957.979.157)	(957.979.157)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	491.295.803.484	491.177.503.484

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Đầu tư vào cổ phiếu công ty con được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	482.000.000.000	482.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	9.194.000.000	9.194.000.000
Cộng	491.194.000.000	491.194.000.000

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295237 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 12 năm 2012 vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 482.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tổng số vốn Công ty đã đầu tư là 482.000.000.000 VND, đạt 100% vốn điều lệ.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295519 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc là 15.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã đầu tư 9.194.000.000 VND, tương đương 61,29% vốn điều lệ. Theo nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 02 tháng 10 năm 2013 Công ty đã quyết định chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc để tái cơ cấu toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL với tỷ lệ 15%.

5.9. Vay ngắn hạn

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	501.123.583.630	433.393.980.473
Vay đối tượng khác	-	984.733.250
Vay dài hạn đến hạn trả	120.000.000	2.359.144.000
Tổng cộng	501.243.583.630	436.737.857.723

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 8% đến 10,5%/năm đối với VND và từ 4,5% đến 5,5%/năm đối với USD. Khoản vay được đảm bảo bằng sổ dư tiền gửi ngân hàng, sổ dư tiền gửi kỳ quỹ của Công ty tại Ngân hàng Sacombank, hàng tồn kho, tài sản cố định vô hình, cổ phiếu và tài sản của bên có liên quan. Xem thêm mục 5.1, 5.3, 5.4, 5.6 và 8.

Vay và nợ dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.16.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	138.501.545.558	208.633.805.590
Người mua trả tiền trước	6.289.658.635	34.098.289.325
Tổng cộng	144.791.204.193	242.732.094.915

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải trả cho các bên liên quan là 5.219.643.552 VND – Xem thêm mục 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.252.922	19.886.496
Thuế xuất, nhập khẩu	4.632.546.318	9.224.003.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp	339.125.177	1.545.292.285
Thuế thu nhập cá nhân	309.141.479	304.056.534
Tổng cộng	5.282.065.896	11.093.238.878

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 06 còn phải trả cho người lao động.

5.13. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí lãi vay	642.137.325	925.581.671
Chi phí phải trả khác	140.380.045	103.730.045
Tổng cộng	782.517.370	1.029.311.716

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	51.416.592	31.402.724
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	290.672.691	99.357.975
Cổ tức phải trả	152.737.500	152.737.500
Thu hộ tiền hàng	31.031.435.067	1.626.938.667
Tiền mượn	7.528.287.236	2.573.781.010
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.300.688.519	5.300.668.394
Tổng cộng	44.355.237.605	9.784.886.270

Trong đó khoản phải trả cho các bên liên quan là 39.233.300.203 VND – Xem thêm mục 8.

5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	2.389.416.784	5.292.988.954
Trích lập trong kỳ	563.407.757	395.554.000
Sử dụng trong kỳ	(92.866.300)	(363.324.970)
Số dư cuối kỳ	2.859.958.241	5.325.217.984

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.16. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất dao động theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng cộng biên độ phù hợp do các ngân hàng quy định từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 216.000.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 120.000.000 VND – Xem thêm mục 5.9.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình – Xem thêm mục 5.5.

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Cộng
Số dư đầu năm trước	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	25.358.534.309	2.632.796.366	90.082.517.326	721.648.345.957
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.217.966.849	1.217.966.849
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	659.258.000	65.925.000	(725.183.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(395.554.000)	(395.554.000)
Chi quỹ	-	-	-	-	(219.600.000)	-	(219.600.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(289.275.605)	(289.275.605)
Số dư đầu năm nay	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	26.017.792.309	2.479.121.366	89.890.471.570	721.961.883.201
Tăng vốn do phát hành cổ phần	66.087.570.000	(94.250.000)	-	-	-	-	65.993.320.000
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phần	46.907.570.000	-	-	-	-	(46.907.570.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	266.525.341	266.525.341
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	939.012.928	84.000.000	(1.023.012.928)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(563.407.757)	(563.407.757)
Chi quỹ	-	-	-	-	(51.000.000)	-	(51.000.000)
Số dư cuối kỳ	614.356.040.000	160.758.033.540	(58.638.685.584)	26.956.805.237	2.512.121.366	41.663.006.226	787.607.320.785

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Là vốn góp của các cổ đông.

5.17.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	61.863.162	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	61.435.604	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	58.207.764	46.908.250
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.17.4. Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5.17.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	89.890.471.570	90.082.517.326
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	266.525.341	199.576.401
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(939.012.928)	(659.258.000)
Trích lập Quỹ khác từ vốn chủ sở hữu	(84.000.000)	(65.925.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(563.407.757)	(395.554.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	(46.907.570.000)	-
Tăng/(giảm) khác	-	(117.364.516)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	41.663.006.226	89.043.992.211

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.136.710.647.655	1.234.419.194.338
Doanh thu bán thành phẩm	169.487.891.457	67.056.035.159
Hàng bán bị trả lại	-	(29.603.840)
Giảm giá hàng bán	(10.849.824)	-
Doanh thu thuần	1.306.187.689.288	1.301.445.625.657

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.124.188.138.404	1.234.987.802.157
Giá vốn của thành phẩm đã bán	164.608.327.946	47.764.544.264
Trích thêm/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(133.930.223)	590.445.471
Tổng cộng	1.288.662.536.127	1.283.342.791.892

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.603.943.432	860.008.245
Lãi đầu tư chứng khoán	259.626.549	-
Lãi bán hàng trả chậm – Xem thêm mục 8.	13.789.016.750	18.233.516.243
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	457.916.110	388.521.954
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.405.000	-
Tổng cộng	17.116.907.841	19.482.046.442

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	13.838.576.316	16.192.867.799
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	214.302.408	1.516.574.395
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.062.882.375	3.282.844.612
Chi phí tài chính khác	1.889.195	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(1.262.451)	(204.174.003)
Tổng cộng	17.116.387.843	20.788.112.803

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	691.670.989	679.383.192
Chi phí vật liệu, bao bì	227.702.852	100.274.229
Chi phí công cụ, dụng cụ	27.049.445	12.487.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.169.206	57.169.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.125.766	70.473.509
Chi phí khác	6.251.996.314	2.950.075.908
Tổng cộng	7.373.714.572	3.869.863.044

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.553.163.032	1.788.457.720
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	333.538.875	11.764.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	971.810.406	1.028.004.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.037.281.312	2.526.802.886
Chi phí khác	3.939.664.664	4.294.049.039
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	82.536.470	209.157.581
Tổng cộng	8.917.994.759	9.858.236.147

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.750.000.000	-
Thu nhập nhượng bán nguyên vật liệu	-	55.389.671.185
Thu nhập khác	56.495.396	7.341.025
Tổng cộng	1.806.495.396	55.397.012.210

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.349.453.325	-
Giá vốn nhượng bán nguyên vật liệu	-	55.041.984.708
Tiền phạt, tiền bồi thường	2.856.511	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động	1.164.192.881	2.763.414.104
Chi phí khác	5.630.152	145.796
Tổng cộng	2.522.132.869	57.805.544.608

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	518.326.355	660.135.815
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	675.509.920	1.719.283.152
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	1.193.836.275	2.379.418.967
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất (thuế suất 15%)	154.899.515	122.595.035
+ Thu nhập từ hoạt động thương mại (thuế suất 22%)	1.038.936.760	2.256.823.932
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	262.643.980	469.754.042
Trừ thuế TNDN được miễn giảm	(10.842.966)	(9.194.628)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	251.801.014	460.559.414

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.124.188.138.404	1.234.987.802.157
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.707.950.692	80.489.989.566
Chi phí nhân công	3.804.373.195	2.958.500.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.292.072.117	2.524.817.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.809.769.759	3.016.335.517
Chi phí khác	8.444.752.302	8.303.913.370
Tổng cộng	1.303.247.056.469	1.332.281.359.125

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì báo cáo bộ phận chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

▪ Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con
3. Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức	Cổ đông lớn
5. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn
6. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
7. Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
8. Bà Nguyễn Thanh Dung	Quan hệ ruột thịt với BGĐ và HĐQT
9. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan

▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu bán hàng - Xem thêm mục 5.2	641.296.907.312	501.460.298.796
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.2	2.041.172.690	4.661.991.371
Phải trả người bán - Xem thêm mục 5.10	(5.219.643.552)	(4.258.825.716)
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.14	(39.233.300.203)	(4.874.297.577)
Vay ngắn hạn	-	(984.733.250)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng	933.962.989.351	1.053.881.042.562
Mua hàng	733.253.284.153	773.157.697.480
Lãi bán bán hàng trả chậm – Xem thêm mục 6.3	13.789.016.750	18.233.516.243
Lãi vay	-	97.488.592
Mượn tiền	-	6.239.775.098
Bảo lãnh, thế chấp cho các bên có liên quan – Xem thêm mục 5.5 và 5.6	47.961.241.736	49.163.817.910
Được bảo lãnh, thế chấp từ các bên có liên quan - Xem thêm mục 5.9	498.502.179.494	626.317.316.781
Được bảo lãnh, thế chấp từ cá nhân có liên quan - Xem thêm mục 5.9	159.246.400.000 ^(*)	158.400.400.000 ^(*)

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Các khoản tiền mượn và cho mượn không chịu lãi suất.

^(*) Các khoản vay ngân hàng cũng được đảm bảo bằng tài sản của bên liên quan với giá trị theo biên bản định giá.

Trong kỳ, Công ty có bán hàng trả chậm cho các bên liên quan với lãi suất 0,00995%/ngày.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng Quản trị	51.000.000	219.600.000
Thu nhập ban Tổng Giám đốc	285.740.600	533.394.900
Tổng cộng	336.740.600	752.994.900

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.442.545.947	84.966.022.076
Các khoản phải thu và phải thu khác	672.617.897.977	559.850.846.880
Đầu tư ngắn hạn khác	-	986.841.000
Đầu tư dài hạn khác	1.059.782.641	941.482.641
Tổng cộng	684.120.226.565	646.745.192.597
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	501.339.583.630	436.893.857.723
Phải trả người bán và phải trả khác	182.361.956.380	218.135.193.661
Chi phí phải trả	782.517.370	1.029.311.716
Tổng cộng	684.484.057.380	656.058.363.100

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	01/01/2014	30/6/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	12.087.563,50	18.792.235,70	1.273.162,44	2.811.606,90
Euro (EUR)	-	-	100,27	100,27

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 8.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

			VND
30/6/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	182.361.956.380	-	182.361.956.380
Chi phí phải trả	782.517.370	-	782.517.370
Các khoản vay	501.243.583.630	96.000.000	501.339.583.630
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	218.135.193.661	-	218.135.193.661
Chi phí phải trả	1.029.311.716	-	1.029.311.716
Các khoản vay	436.737.857.723	156.000.000	436.893.857.723

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

			VND
30/6/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	672.617.897.977	-	672.617.897.977
Đầu tư dài hạn khác	-	1.059.782.641	1.059.782.641
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	559.850.846.880	-	559.850.846.880
Đầu tư ngắn hạn khác	986.841.000	-	986.841.000
Đầu tư dài hạn khác	-	941.482.641	941.482.641

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Do tái cơ cấu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2012, Công ty quyết định giải thể 02 chi nhánh:

- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, 02 chi nhánh này vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 29 tháng 8 năm 2014.

Bình Dương, ngày 29 tháng 8 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC****VŨ THỊ VUI****NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN****NGUYỄN THANH NGHĨA**